

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS - ST

Ngày 09 - 9 - 2022.

V/v "*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.
2. Ông Nguyễn Tấn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cần- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: khối N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khối N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2022, cũng như các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Lê V trình bày:

Ngày 09/11/2018 bà có cho ông Lê Văn S vay số tiền 60.000.000 (*Sáu mươi triệu đồng*), hai bên ký Hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay. Đến thời hạn trả nợ ông S không trả số tiền đã vay cho bà mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn S phải thanh toán số tiền nợ là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu đồng*) nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản trình bày ngày 27/7/2022, biên bản hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn S thống nhất có vay của bà Nguyễn Lê V số tiền 60.000.000 (*Sáu mươi triệu đồng*), có ký hợp đồng vay. Theo thỏa thuận thì hàng tháng ông phải trả tiền lãi cho bà V; ông đã trả lãi cho bà V được 02 tháng tiền lãi thì sau đó không trả nữa. Nay bà V yêu cầu ông trả số tiền vay là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu đồng*) ông thống nhất, tuy nhiên hiện nay do kinh tế gặp khó khăn nên ông xin được trả mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) đến khi dứt điểm nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đường sự tham gia vụ án đã chấp hành pháp luật tố tụng một cách nghiêm túc, đúng pháp luật.

Về nội dung: Qua hồ sơ cũng như diễn biến tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 116, 117, 275, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê V đối với bị đơn ông Lê Văn S về việc buộc bị đơn ông Lê Văn S phải trả số tiền nợ 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*);

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Lê V khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn S trả tiền vay cho bà. Đây là vụ án có tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo Thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê V yêu cầu bị đơn ông Lê Văn S trả cho bà V số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Hội đồng xét xử thấy:

Ông Lê Văn S thừa nhận vào ngày 09/11/2018 có vay của bà Nguyễn Lê V 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) hai bên có lập Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng T chứng nhận số 455 quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 9/11/2018; lãi suất do hai bên tự thỏa thuận; mục đích vay tiêu dùng trong gia đình (bút lục số 03, 04, 05). Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền vay theo hợp đồng đã ký thì ông S không trả mặc dù bà V đã nhiều lần yêu cầu. Ngày

06/6/2022, bà V làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông S trả cho bà V số tiền đã vay là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*). Hội đồng xét xử thấy đây là tình tiết mà các bên đương sự đều thống nhất và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, đủ cơ sở xác định ông Lê Văn S có vay của bà Nguyễn Lê V số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*). Nay bà V yêu cầu ông S trả lại số tiền vay là có căn cứ.

Ông Lê Văn S cho rằng do tình hình dịch bệnh, kinh tế khó khăn, mặc khác bà V đã có hành vi gây ảnh hưởng đến công việc làm ăn của ông nên ông chỉ có thể trả số tiền vay cho bà V mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) đến khi hết số tiền vay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Việc ông S chậm trả tiền theo như hợp đồng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V. Như vậy, ông S phải có trách nhiệm trả đủ tiền vay một lần cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tại phiên tòa, bị đơn ông S cho rằng việc vay trước đây ông đã trả lãi cho bà V. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông không cung cấp chứng cứ về số tiền lãi đã trả cho bà V và ông không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Lê V được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Lê Văn S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 275; Điều 463 và khoản 1 Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê V đối với bị đơn ông Lê Văn S.

2. Buộc ông Lê Văn S phải trả cho bà Nguyễn Lê V số tiền nợ là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Lê V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007200 ngày 14/ 6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

4. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*09/9/2022*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục T.H.A án sự thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn